

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2022

“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Văn Hoàng;
2. Bà Cù Thị Ngọc Thảo.

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 252/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐXXST-HN ngày 09 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trúc V, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ 02, khóm L1, phường L2, thị xã T, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Anh Lâm Thái S, sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ 21, khóm L3, phường L1, thị xã T, tỉnh An Giang.

Chị V có mặt tại phiên tòa; Anh S vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc V trình bày: Năm 2012, chị V và anh S kết hôn, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L1, thị xã T, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 98/2012

ngày 18/9/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2019, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh S không tôn trọng chị V, thiếu trách nhiệm đối với vợ con. Chị V và anh S được gia đình hai bên hòa giải, đoàn tụ lại nhưng không thành. Tháng 02/2020, chị V và anh S sống xa nhau cho đến nay và hai bên không còn quan tâm cuộc sống của nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị V yêu cầu ly hôn với anh Lâm Thái S.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị V và anh S có 03 (ba) con chung tên Lâm Khả A, sinh ngày 27/3/2013, Lâm Hiểu L ngày 29/01/2016 và Lâm Phi P, sinh ngày 03/11/2018. Hiện các con đang sống với chị V. Khi ly hôn, chị V yêu cầu tiếp tục nuôi các con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 14/TB-TLVA ngày 02/11/2021; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 40/TB-TA ngày 02/12/2021 và số 402/TB-TA ngày 26/4/2022 cho anh Lâm Thái S thông qua người thân là bà Lâm Thị Mỹ V (cô ruột của anh S) nhận thay và cam kết có báo lại cho anh S biết về việc chị V khởi kiện ly hôn với anh S tại Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang nhưng anh S vắng mặt tham gia tố tụng tại Tòa án.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh nơi cư trú của anh Lâm Thái S tại Công an phường L1, thị xã T; Xác minh tình trạng hôn nhân và con chung giữa chị V và anh S tại Hội liên hiệp phụ nữ phường L1, thị xã T; Văn phòng khám L3, phường L1, thị xã T; Lấy lời khai của bà Lâm Thị Mỹ V (cô ruột của anh S), cụ thể:

- Công an phường L1, thị xã T cung cấp: Anh Lâm Thái S, sinh năm 1987 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 21, khóm L3, phường L1, thị xã T, tỉnh An Giang.

- Hội Liên hiệp phụ nữ phường L1, thị xã T cung cấp: Chị V và anh S kết hôn năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, giữa chị Nguyễn Thị Trúc V và anh Lâm Thái S mâu thuẫn như thế nào thì Hội liên hiệp phụ nữ không biết.

Trong thời kỳ hôn nhân, chị V và anh S có 03 (ba) con chung tên Lâm Khả A, sinh ngày 27/3/2013, Lâm Hiểu L ngày 29/01/2016 và Lâm Phi P, sinh ngày 03/11/2018. Hiện các con chung đang sống với chị V và được chị V chăm sóc, nuôi dưỡng, ở địa phương, không nghe hoặc ai báo về việc chị V ngược đãi, đánh đập hoặc bỏ bê, không quan tâm con chung. Anh S biết việc Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý, giải quyết việc ly hôn giữa chị V và anh S.

- Văn phòng khám L3, phường L1 cung cấp: Năm 2012, anh S và chị V kết hôn và có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường

L1. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã, anh S và chị V đã không còn chung sống với nhau từ tháng 02/2020 cho đến nay. Anh S biết việc Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý, giải quyết việc ly hôn giữa chị V và anh S.

Trong thời gian chung sống, chị V và anh S có 03 (ba) con chung tên Lâm Khả A, sinh ngày 27/3/2013, Lâm Hiếu L ngày 29/01/2016 và Lâm Phi P, sinh ngày 03/11/2018. Hiện các con chung đang sống với chị V và được chị V chăm sóc, nuôi dưỡng và lo ăn học.

- Lời khai của bà Lâm Thị Mỹ V (cô ruột anh S) cho biết: Bà là cô ruột của anh S. Bà Vân có nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ lý vụ án số 14/TB-TLVA ngày 02/11/2021, Thông báo phiên họp số 40/TB-TA ngày 02/12/2021 và số 402/TB-TA ngày 26/4/2022 về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh S và có báo lại cho anh S biết về các văn bản tố tụng trên. Anh S có biết về việc chị V nộp đơn khởi kiện ly hôn với anh S nhưng anh S đang làm ở tỉnh Bình Dương nên không về được theo các lần triệu tập của Tòa án.

Năm 2012, vợ chồng (S – V) kết hôn, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L1, thị xã T. Sau khi cưới, vợ chồng (S – V) sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hai bên gia đình đã hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Đến khoảng năm 2020 thì vợ chồng (V - S) đã không còn chung sống với nhau cho đến nay, không còn liên lạc cho nhau nữa.

Về con chung, vợ chồng (V – S) có 03 (ba) con chung tên Lâm Khả A, sinh ngày 27/3/2013, Lâm Hiếu L ngày 29/01/2016 và Lâm Phi P, sinh ngày 03/11/2018. Hiện các con chung đang sống với mẹ ruột (Nguyễn Thị Trúc V) và được Trúc V chăm sóc, nuôi dưỡng tốt.

Qua trao đổi điện thoại với anh S thì anh S có nói với chị V thống nhất ly hôn với Trúc V nhưng do ở xa nên không về được để ký thuận tình ly hôn với Trúc V.

Tại phiên tòa, anh S vắng mặt, chị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh Lâm Thái S.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng: Căn cứ các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng trong vụ án có gồm nguyên đơn, bị đơn.

+ Việc giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhận thấy:

Anh S, chị V tự tìm hiểu yêu thương và kết hôn năm 2012, có đăng ký hôn theo quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hai bên gia đình có động viên hàn gắn lại tình cảm nhưng không thành và vợ chồng anh chị ly thân từ năm 2020 đến nay. Xét thấy, lời trình bày của chị V là phù hợp với lời trình bày của bà Lâm Thị Mỹ V và địa phương phường L1 cung cấp. Từ lúc ly thân năm 2020 đến nay anh chị đều không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm với nhau mặc dù gia đình hai bên có động viên hàn gắn lại tình cảm của anh chị, làm cho cuộc hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị V yêu cầu được ly hôn với anh S là cơ sở và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh chị có ba người con chung tên Lâm Khả A, ngày 27/3/2013, Lâm Hiếu L, sinh ngày 29/01/2016 và Lâm Phi P, sinh ngày 03/11/2018 hiện các cháu đang sống với chị V. Nhận thấy, theo nguyện vọng của cháu Lâm Khả A khi cha mẹ của cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị V. Xét thấy, từ lúc anh chị ly thân đến nay các cháu A, L, P do chị V chăm sóc và được tạo điều kiện về mọi mặt. Do đó, nhằm ổn định cuộc sống các cháu, nghĩ nên tiếp tục giao các cháu A, L, P cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng và anh S không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị V trình bày không có nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Trúc V được ly hôn với anh Lâm Thái S.

Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Trúc V được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Lâm Khả A, ngày 27/3/2013; Lâm Hiếu L, sinh ngày 29/01/2016 và Lâm Phi P, sinh ngày 03/11/2018; Anh Lâm Thái S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trúc V phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Trúc V khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lâm Thái S. Anh S có nơi cư trú tổ 21, khóm L3, phường L1, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Lâm Thái S được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Trúc V và anh Lâm Thái S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L1, thị xã T, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 98/2012 ngày 18/9/2012, hôn nhân giữa chị V và anh S là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị V khai: Năm 2019, vợ chồng chị V và anh S phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau, anh S không tôn trọng chị V, thiếu trách nhiệm đối với chị V và các con. Chị V và anh S được gia đình hai bên hòa giải, đoàn tụ lại nhưng thành. Chị V và anh S, sống xa nhau từ tháng 02/2020 cho đến nay. Chị V yêu cầu ly hôn với anh S.

Biên bản xác minh tại Văn phòng khóm L3 và lời khai của bà Lâm Thị Mỹ V (cô ruột anh S) cho biết: Năm 2012, anh S và chị V kết hôn và có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L1, thị xã T. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi nhau, anh S và chị V đã không còn chung sống với nhau từ tháng 02/2020 cho đến nay.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng của chị V và anh S phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019 do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, kinh tế thường xuyên cãi nhau và sống xa nhau từ tháng 2 năm 2020 cho đến nay. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho chị V và anh S hàn gắn tình cảm, nhưng anh S vắng mặt và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tình trạng vợ chồng chị V và anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững. Xét, cho chị Nguyễn Thị Trúc V ly hôn với anh Lâm Thái S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị V và anh S có 03 (ba) con chung tên Lâm Khả A, sinh ngày 27/3/2013, Lâm Hiếu L ngày 29/01/2016 và Lâm Phi P, sinh ngày 03/11/2018. Chị V yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy các con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Biên bản ghi nhận ý kiến nguyện vọng của cháu Khả Ái có nguyện vọng được sống với mẹ Nguyễn Thị Trúc V.

Biên bản xác minh Hội Liên hiệp Phụ nữ phường L1, thị xã T, Văn phòng khóm L3 và lời khai của bà Lâm Thị Mỹ V (cô ruột anh S) cho biết: Chị V và anh S có 03 (ba) con chung tên Lâm Khả A, sinh ngày 27/3/2013, Lâm Hiếu L ngày 29/01/2016 và Lâm Phi P, sinh ngày 03/11/2018. Hiện các cháu đang sống và được mẹ (Nguyễn Thị Trúc V) chăm sóc, nuôi dưỡng tốt.

Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con và nguyện vọng của con từ đủ 7 tuổi trở lên, cuộc sống của các cháu đã ổn định và không làm xáo trộn môi trường sống của các cháu. Xét, giao 03 (ba) con chung tên Lâm Khả A, sinh ngày 27/3/2013, Lâm Hiếu L ngày 29/01/2016 và Lâm Phi P, sinh ngày 03/11/2018 cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị Nguyễn Thị Trúc V cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Lâm Thái S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị V khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp.

Anh S không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trúc V.

Chị Nguyễn Thị Trúc V được ly hôn với anh Lâm Thái S.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 98/2012, Quyền số: I/2012 được Ủy ban nhân dân phường L1, thị xã T, tỉnh An Giang cấp ngày 18/9/2012 cho chị Nguyễn Thị Trúc V được ly hôn với anh Lâm Thái S không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Trúc V được tiếp tục nuôi dạy 03 (ba) con chung tên Lâm Khả A, sinh ngày 27/3/2013, Lâm Hiếu L ngày 29/01/2016 và Lâm Phi P, sinh ngày 03/11/2018. Anh Lâm Thái S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Trúc V cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Lâm Thái S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Trúc V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0005921 ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh An Giang; Chị Nguyễn Thị Trúc V đã nộp đủ án phí.

Anh Lâm Thái S không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị V có quyền kháng cáo đề Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh S là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TX. T (02);
- Chi cục THADS TX. T (01);
- Toà án nhân dân tỉnh An Giang (01);
- UBND nơi đăng ký kết hôn (01);
- Lưu văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương